



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI  
XI MĂNG HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 290 đường Hà Nội - Hồng Bàng - Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3540445 - Fax: 0225.3540417

Email: vtxmhp@gmail.com Website: <http://vtxmhp.com>

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG  
NĂM 2018

*Nơi nhận:*

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu phòng KTTC, VT.

Hải phòng: ngày 29 tháng 03 năm 2019



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng  
Năm báo cáo 2018

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: Hai Phong cement transport & trading JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200577563
- Vốn điều lệ: 20.163.850.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 20.163.850.000 đồng
- Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.
- Số điện thoại: 0225.3540418
- Số Fax: 0225.3540417
- Website: <http://vtxmhp.com>
- Mã cổ phiếu: HCT

*2. Quá trình hình thành và phát triển*

- Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo quyết định số : 1753/QĐ-BXD ngày 29/12/2003 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc chuyển Xí nghiệp Vận tải và Sửa chữa thủy -đơn vị trực thuộc Công ty xi măng Hải Phòng thành Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng.
- Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Mã số doanh nghiệp là : 02000577563 đăng ký lần đầu ngày 24/02/2004 (thay đổi lần 1 ngày 22/06/2007, lần thứ 2 ngày 13/09/2008, lần thứ 3 ngày 20/10/2010 và lần thứ 4 ngày 14/05/2015) do Sở Kế hoạch & Đầu tư Hải Phòng cấp.

*3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Vận tải hàng hóa đường thủy, Vận tải hàng hóa đường bộ, dịch vụ bốc xúc gạt nguyên vật liệu, nạo vét luồng lạch bằng pông tông, Vận chuyển hành khách đường bộ, Kinh doanh kho, bến bãi, Kinh doanh nhà hàng ; Vận tải hàng hóa bằng đường biển ; Kinh doanh vật liệu xây dựng.

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Địa bàn thành phố Hải Phòng và các tỉnh, thành trong nước.

*4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

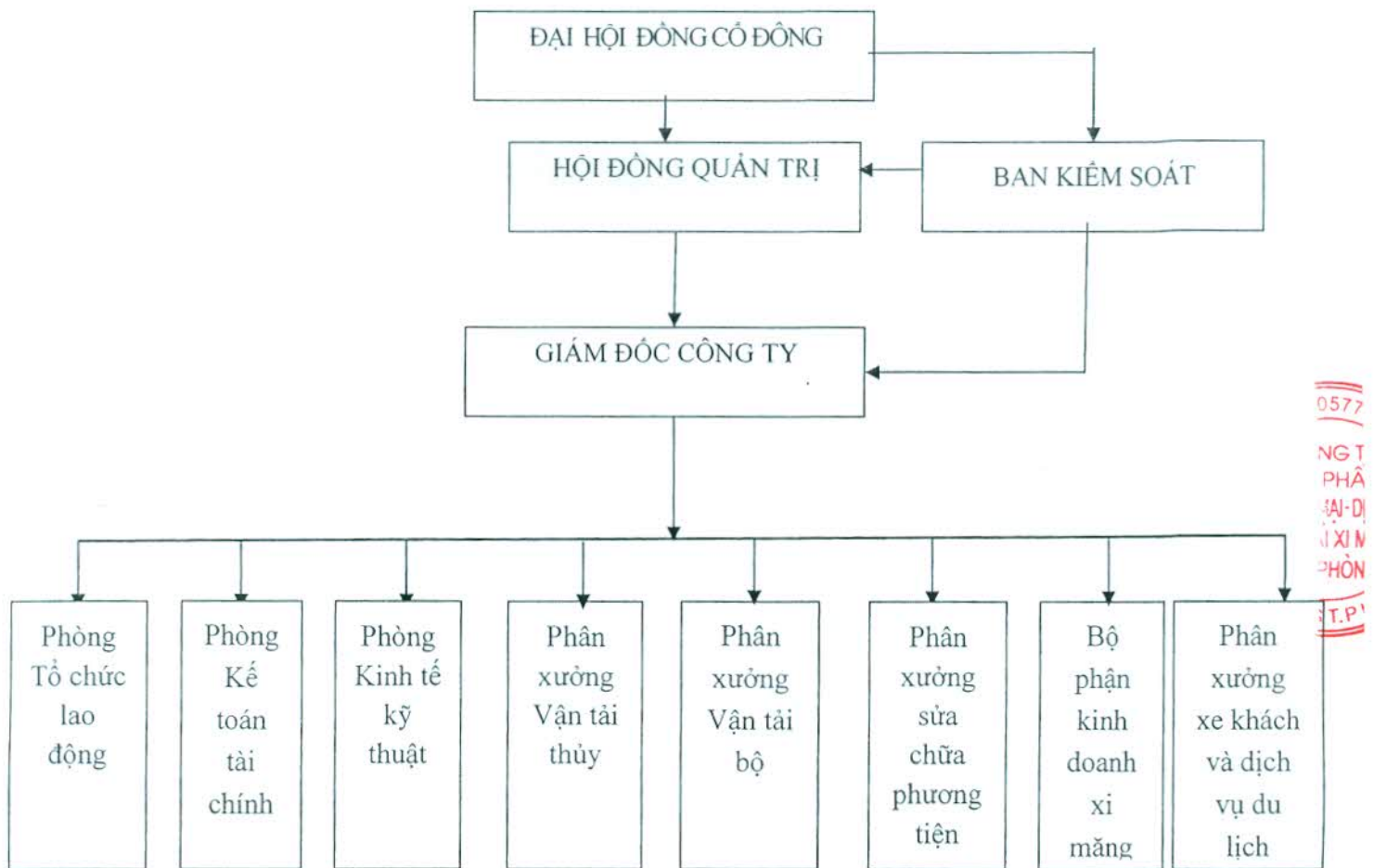
- Mô hình quản trị: Công ty cổ phần niêm yết có vốn Nhà Nước chi phối.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:

0200577563  
CC  
CC  
SỞ KẾ  
HẠCH &  
ĐẦU TƯ  
HẢI  
PHÒNG

o



**Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty như sau**



0577  
NG T  
PHÃ  
SAI-DI  
XI N  
PHON  
T.P.

- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

**5. Định hướng phát triển**

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Mục tiêu kinh doanh của công ty là bám sát chiến lược phát triển của ngành xi măng và Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam, đầu tư đổi mới phương tiện vận tải, nâng cao năng lực sản xuất, phát triển lĩnh vực thương mại và dịch vụ, mở rộng thị trường hoạt động; bảo toàn và phát triển vốn.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Chiến lược quản lý của công ty: theo đuổi mục tiêu xây dựng thương hiệu HCT có uy tín đối với các nhà đầu tư, mục tiêu xây dựng các tiêu chuẩn trong hoạt động của công ty đáp ứng các quy định theo ISO9001, ứng dụng những thành tựu của Internet trong quản lý để giảm chi phí kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận từ kinh doanh, hài hòa lợi ích của nhà đầu tư và CBCNV của công ty.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Xây dựng môi trường hoạt động xanh sạch đẹp, an toàn và tiết kiệm năng lượng, chi phí dựa vào tuyên truyền nâng cao ý thức cho CBCNV; có ý thức đóng góp xây dựng cộng đồng nơi công ty hoạt động và các phong trào của địa phương cũng như Tổng công ty.

**6. Các rủi ro:** (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty):

- Các rủi ro hoạt động: an toàn giao thông, an toàn hàng hải, phòng chống cháy nổ.

*a*

- Rủi ro chính sách: biến động tăng tiền lương tối thiểu, tiền thuê đất, thuế TNDN, thuế GTGT.

- Tài chính: chính sách tiền tệ, lãi tiền gửi.

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2018

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv:

#### Những khó khăn và thuận lợi năm 2018:

##### a. Thuận lợi

- Đơn vị luôn được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của lãnh đạo Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam; Sự tạo điều kiện giúp đỡ của Công ty Xi măng Vicem Hải Phòng; Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1; Công ty cổ phần xi măng Hạ Long; Công ty Cổ phần tài chính xi măng và các đơn vị bạn về thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Tập thể Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty đoàn kết, thống nhất cao trong hành động và triển khai thực hiện nhiệm vụ;

- Đội ngũ CBCNV lành nghề có kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm trong kinh doanh xi măng, khai thác vận tải biển, vận tải thủy, vận tải bộ, xếp dỡ, sửa chữa phương tiện...

##### b. Khó khăn

Năm 2018, Công ty đã gặp một số khó khăn làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD của từng bộ phận cụ thể:

- Phương tiện vận tải cũ, đến kỳ phải sửa chữa bảo dưỡng làm ảnh hưởng đến năng suất vận chuyển;

- Giá nhân công, vật tư phụ tùng phục vụ cho công tác sửa chữa tăng;

- Giá dầu Diesel bình quân năm 2018 tăng 2.382 đ/lít so với cùng kỳ; tương tự giá xăng A92 tăng 582 đ/lít dẫn đến tổng chi phí nhiên liệu trong giá thành vận tải tăng 958 Tr.đ;

- Thị trường tiêu thụ xi măng cạnh tranh quyết liệt do có nhiều chủng loại xi măng tham gia dẫn đến cung vượt cầu, giá bán chênh lệch cao làm ảnh hưởng đến sản lượng và hiệu quả kinh doanh;

- Vận tải bộ; Bốc xúc: Do Công ty Xi măng Hải Phòng làm tốt công tác luân chuyển xuất nhập nguyên liệu, giảm lượng rút Clinker chuyên kho, chuyên bãi nên sản lượng giảm mạnh so với cùng kỳ và kế hoạch đề ra;

- Vận tải thủy: tàu HP2704 vận chuyển xi măng tiêu thụ cả năm là 28 chuyến bằng 17.027 tấn, bình quân 2,33 chuyến/ tháng, do tình hình tiêu thụ xi măng vẫn còn chậm, dẫn đến hệ số quay vòng phương tiện chưa cao; Đối với 2 tàu chở sét đáp ứng tốt nhu cầu cho Công ty Xi măng Hải Phòng, bình quân 11,5 chuyến/tháng-tàu;

- Vận tải biển: Do sức ép giảm chi phí sản xuất, các Công ty xi măng tiếp tục nâng cao quản trị, điều tiết luân chuyển nguyên liệu hợp lý, phù hợp điều kiện sản xuất dẫn đến tuyến vận chuyển của đơn vị giảm. Đầu tháng 7 đơn vị đã bàn giao tàu CFC03 cho Công ty tài chính cổ phần Tín Việt, công tác khai thác dịch vụ tàu biển gặp nhiều khó khăn do đơn giá tàu dịch vụ thuê ngoài tăng cao nên từ tháng 7 đơn vị đã tạm dừng khai thác, chờ theo dõi diễn biến mới. Vì vậy, sản lượng và doanh thu tàu biển giảm mạnh so với kế hoạch đề ra.

- Xe ka chuyên chở CBCNV Công ty Xi măng Hải Phòng đi làm có xu hướng giảm do Công ty Xi măng Hải Phòng giảm biên lao động. Xe khai thác hợp đồng du lịch ngoài gặp nhiều khó khăn do phương tiện đã cũ, yêu cầu khách hàng ngày càng cao.





Các nguyên nhân khó khăn khách quan trên làm ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng, doanh thu và hiệu quả SXKD của đơn vị.

**Kết quả sản xuất kinh doanh:**

a. Sản lượng :

Stt	Sản lượng	ĐVT	KH 2018	TH 2018	TH 2017	So sánh với KH (%)	So sánh với cùng kỳ (%)
1	Kinh doanh xi măng	Tấn	65.500	65.703	63.146	100,31	104,05
2	Vận tải thủy	Tấn	282.960	295.605	272.847	104,47	108,34
3	Vận tải bộ	Tấn	447.468	630.009	475.754	140,79	132,42
4	Bốc, xúc, gạt	Tấn	336.000	569.424	354.593	169,47	160,59
5	Xe khách	Chuyến	5.304	5.338	5.372	100,64	99,37
6	Vận tải biển	Tấn	134.590	123.734	187.874	91,93	65,86

b. Các chỉ tiêu tài chính :

Stt	Chỉ tiêu Tài chính	ĐVT	KH 2018	TH 2018	TH 2017	So sánh TH với KH (%)	So sánh TH với cùng kỳ (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	108,109	122,701	116,8	113,50	105,05
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,400	2,773	2,350	115,54	118,00
3	Quỹ lương	Tỷ đồng	10,600	10,950	10.254	103,30	106,78
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	3,350	4,180	3,97	124,77	105,29
5	Cổ tức	%	6	7	6	116,67	116,67
6	Đầu tư	Tỷ đồng	2,250	1,037	0,318	46,08	326,10

- Tổng doanh thu đạt 122,701 tỷ đồng bằng 113,5% KH và bằng 105,05% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế đạt : 2,773 tỷ đồng bằng 115,54%KH và bằng 118% so với cùng kỳ.
- Tổng quỹ tiền lương năm 2018: 10,950 tỷ đồng đạt 103,30% KH và bằng 106,78% so với cùng kỳ.
- Nộp ngân sách : 4,180 tỷ đồng bằng 124,77% KH năm và bằng 105,29% so với cùng kỳ.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác):



